TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ N** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **85**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17-7-2023
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN D
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hướng**
Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Xuân Mai**
Bà **Lê Thị Hoa**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Huỳnh Thị Thúy Kiều** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:* Bà **Phan Thị Mỹ Ngân** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 76 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 220/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29/6/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Phạm Thị Kim T**, sinh năm 1996
Nơi cư trú: Thôn A, xã S, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông **Trần Văn D**, sinh năm 1992
Nơi cư trú: Thôn B, xã S, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị Kim T trình bày:

Bà và ông Trần Văn D kết hôn năm 2015 tại UBND xã S. Quá trình chung sống không hạnh phúc vì ông bà bất đồng quan điểm sống, ông D thường hay uống rượu, mỗi lần say xỉn là đánh và đuổi bà ra khỏi nhà. Từ khi nộp đơn ly hôn đến nay, bà đã về nhà mẹ đẻ sống nhưng ông D cũng không quan tâm. Tình cảm giữa bà với ông D không thể hàn gắn được nữa nên bà yêu cầu ly hôn ông D.

Con chung: Bà và ông D có 02 con chung là Trần Hữu N, sinh ngày 29/11/2015 và Trần Ngọc Như Y, sinh ngày 25/6/2021. Bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Bà không yêu cầu giải quyết.

2. Bị đơn ông Trần Văn D đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không có lời khai.

3. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến trình bày:

+ Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thu thập tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giải quyết vụ án: Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Xét thấy tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Văn D đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Bà Phạm Thị Kim T yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn D, nơi cư trú: Thôn B, xã S, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã N theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Kim T và ông Trần Văn D kết hôn năm 2015 tại UBND xã S. Quá trình chung sống không hạnh phúc vì ông bà bất đồng quan điểm sống, ông D thường hay uống rượu, mỗi lần say xỉn là đánh và đuổi bà ra khỏi nhà. Từ khi nộp đơn ly hôn đến nay, bà đã về nhà mẹ đẻ sống nhưng ông D cũng không quan tâm.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng ông D vắng mặt trong các phiên hòa giải và tại phiên tòa, chứng tỏ ông D không có thiện chí hàn gắn cuộc hôn nhân giữa ông với bà T. Hội đồng xét xử xác định bà T và ông D đã không còn tình cảm, vợ

chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mâu thuẫn giữa bà T và ông D đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn có cơ sở và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

- Về con chung: Bà T và ông D có 02 con chung là Trần Hữu Nghĩa, sinh ngày 29/11/2015 và Trần Ngọc Như Ý, sinh ngày 25/6/2021. Bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu Nghĩa có nguyện vọng ở với mẹ, hiện tại cháu Nghĩa và cháu Ý đang ở với mẹ nên giao cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi cho hai cháu.

- Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về án phí: Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự,

- Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH2014 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Kim T.

- Về hôn nhân: Bà Phạm Thị Kim T được ly hôn ông Trần Văn D.

- Về con chung: Giao cháu Trần Hữu Nghĩa, sinh ngày 29/11/2015 và Trần Ngọc Như Ý, sinh ngày 25/6/2021 cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Bà T không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết, các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu Tòa giải quyết.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2022/0000803 ngày 28/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N. Bà T đã nộp đủ án phí.

Quy định chung: *Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi*

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- UBND xã Ninh Sơn (GCNKH 18/2015);
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hướng